CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

CTCP Garmex Sài Gòn

Ngày 15/01/2024	7,990 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.4%	-	-

DT thuần
Q4/23
0.13
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.06| 91.7%
YoY: ▼16.9| -99.2%

LN thuần
Q4/23
-8.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.43| 22.9%
YoY: ▲ 68.4| 89.3%

LN sau thuế
Q4/23
-7.86
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.14| 28.5%
YoY: ▲ 51.1| 86.7%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
-537%
YoY: +/-▼ 508%

ROE
2023
-12.4%
YoY: +/-▲ 2.4%

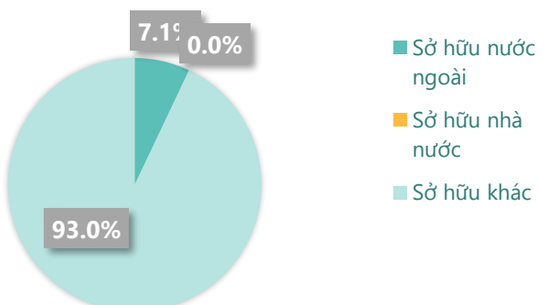
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,270 - 11,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	263
Số lượng CPLH (CP)	32,950,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,490
Sở hữu nước ngoài	7.1%
Beta	0.53
EPS	-1,577
P/E	-5.1

DT thuần
2023
8.30
tỷ VNĐ
YoY: ▼284| -97.2%

LN thuần
2023
-45.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 48.3| 51.3%

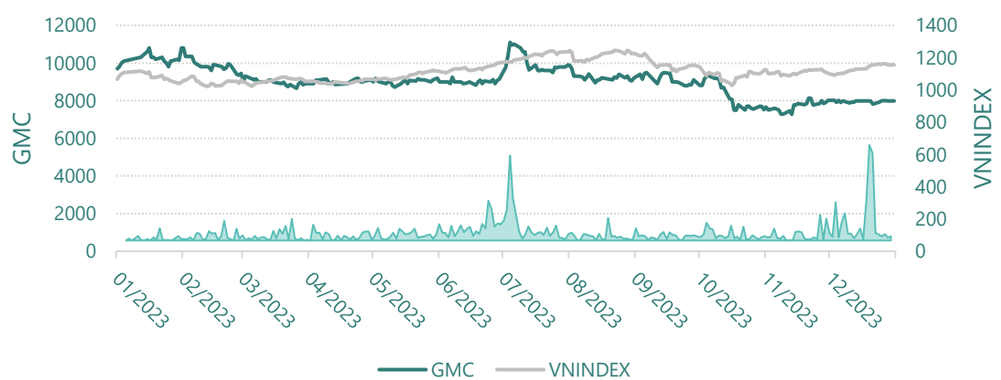
LN sau thuế
2023
-52.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 32.7| 38.7%

Cơ cấu sở hữu

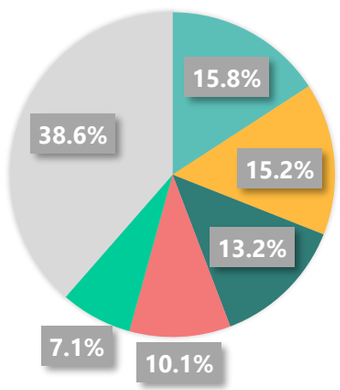


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

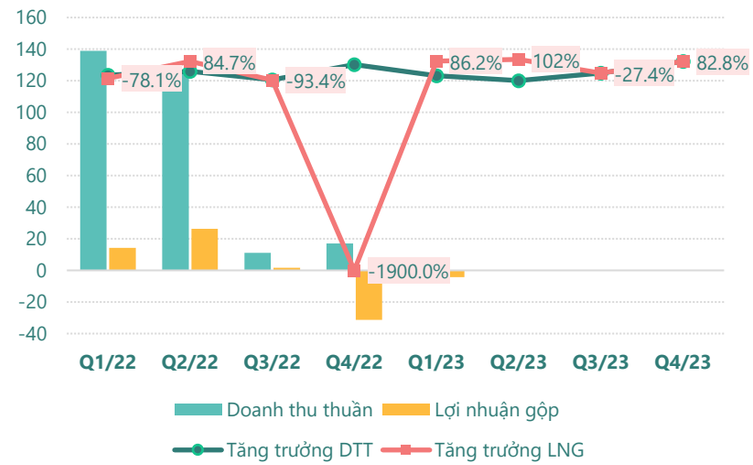


- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải
- CTCP Đầu tư T.T.A
- CTCP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thừa Thiên Huế
- CTCP Dệt may Gia Định
- Lâm Tử Thanh
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

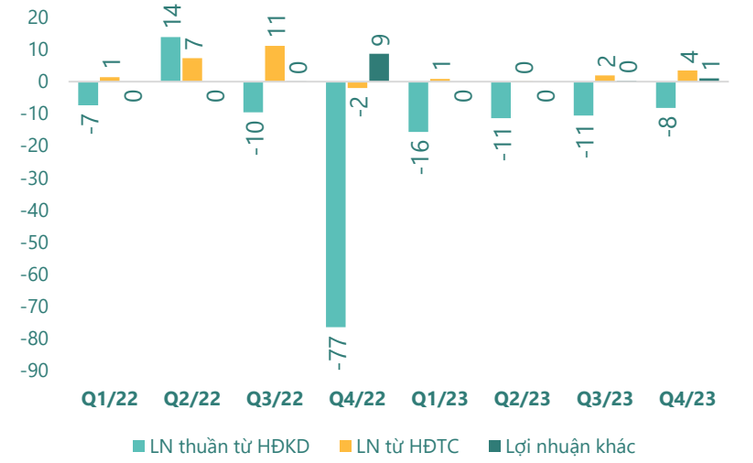
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



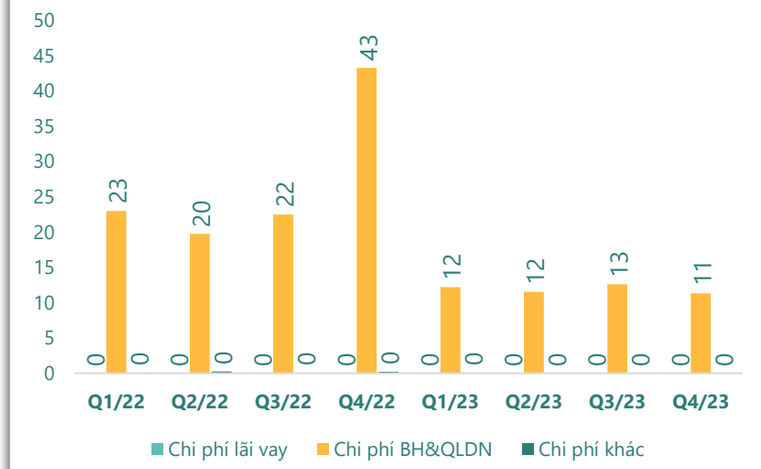
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



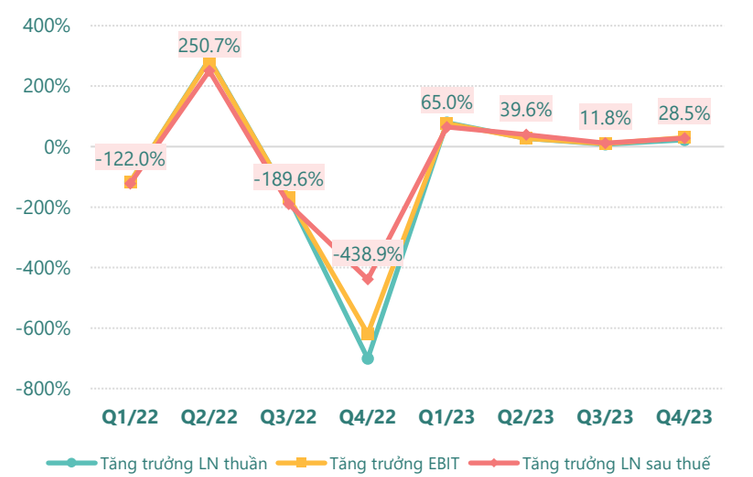
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



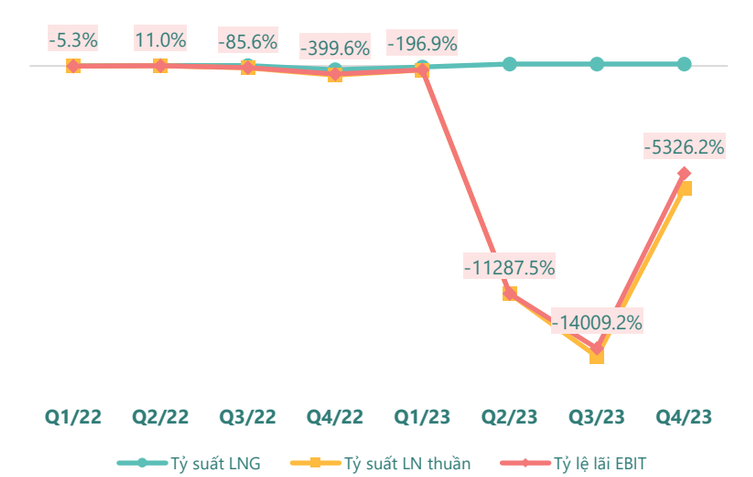
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



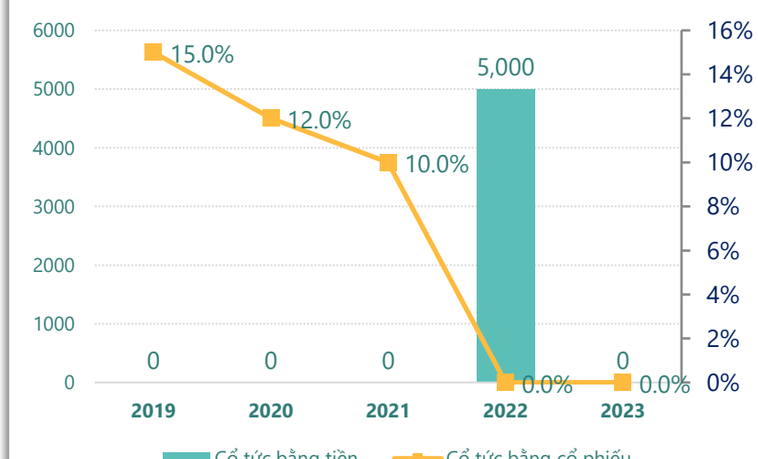
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

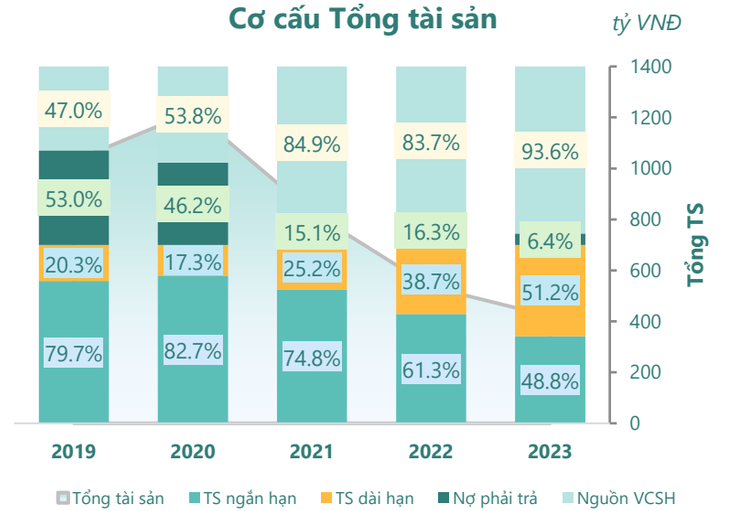
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

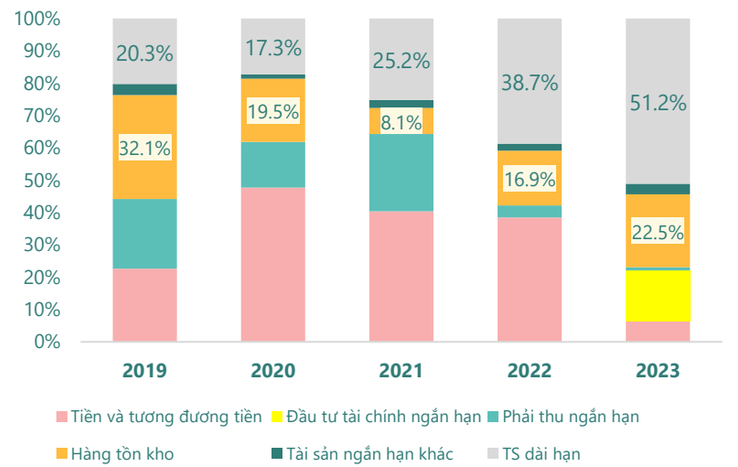
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



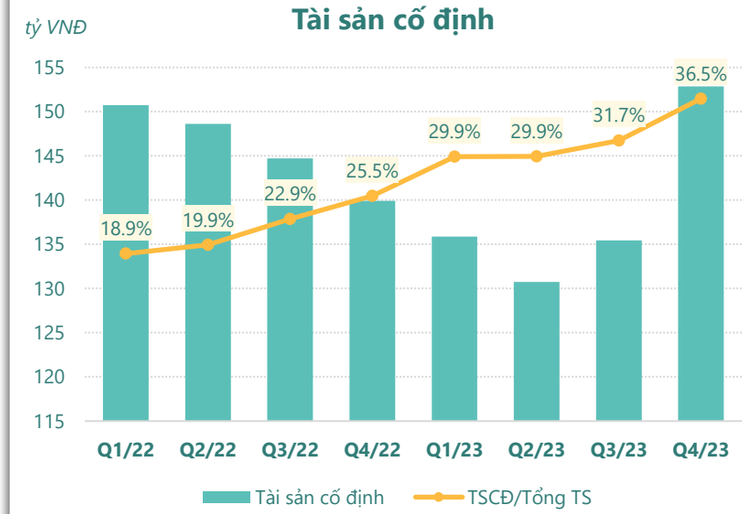
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



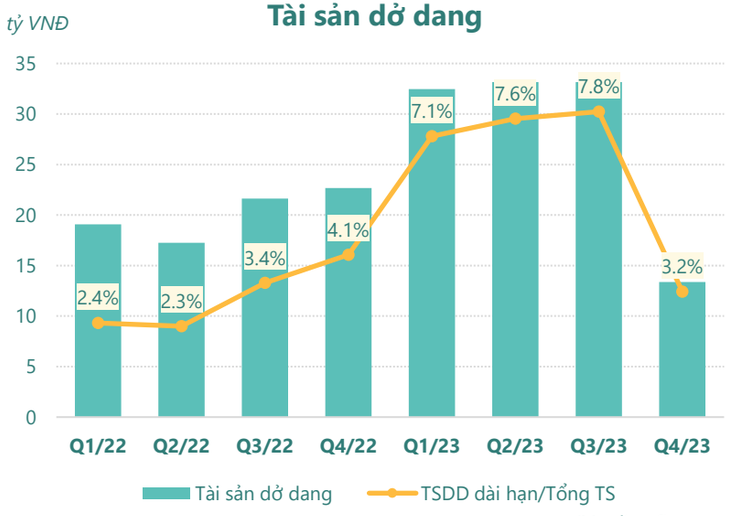
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



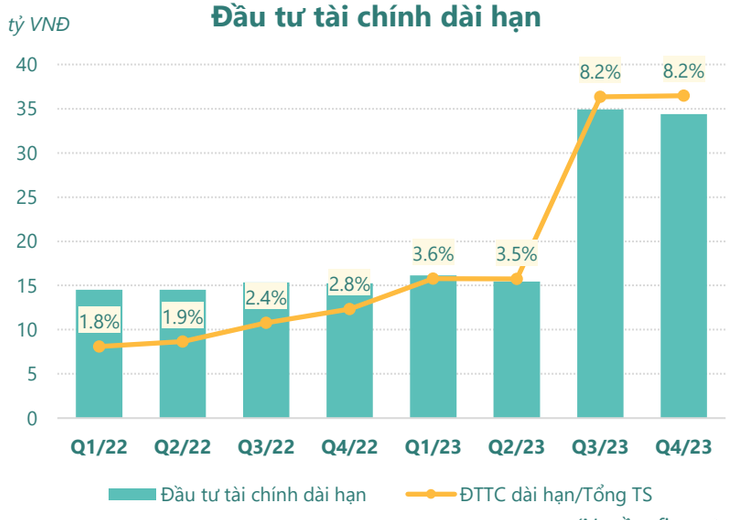
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



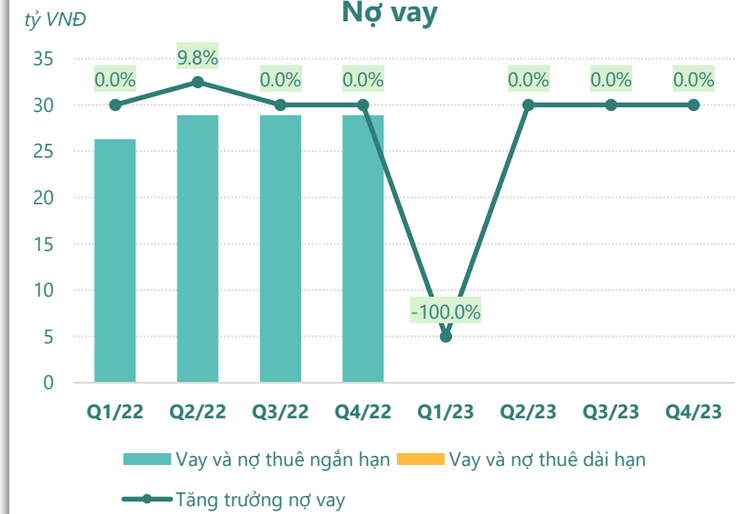
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

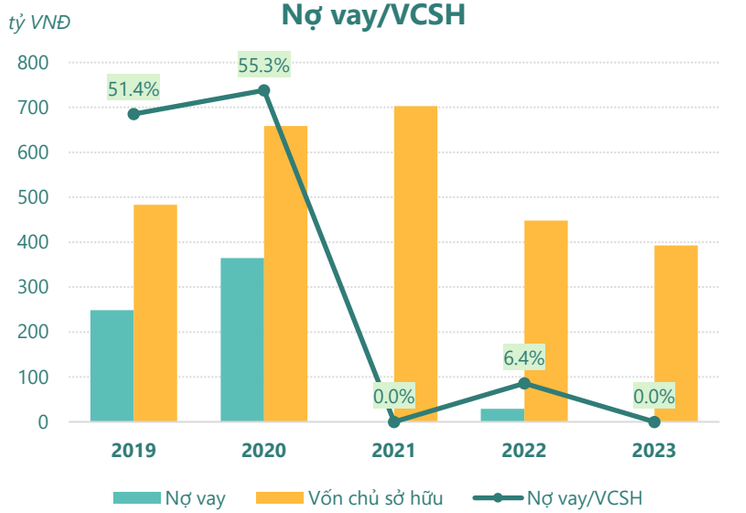
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

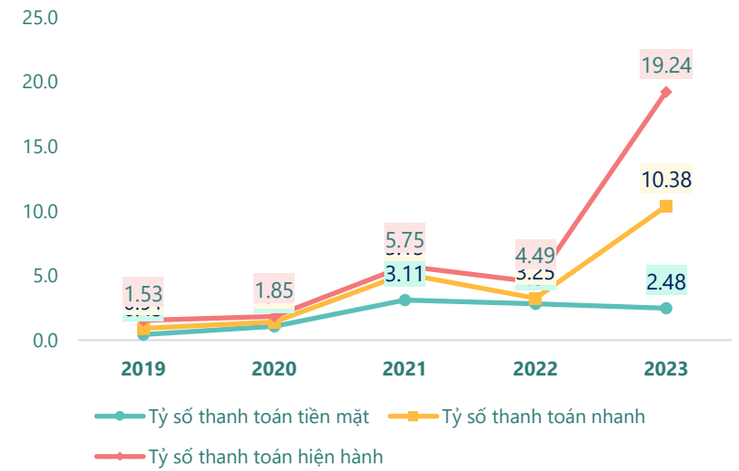
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



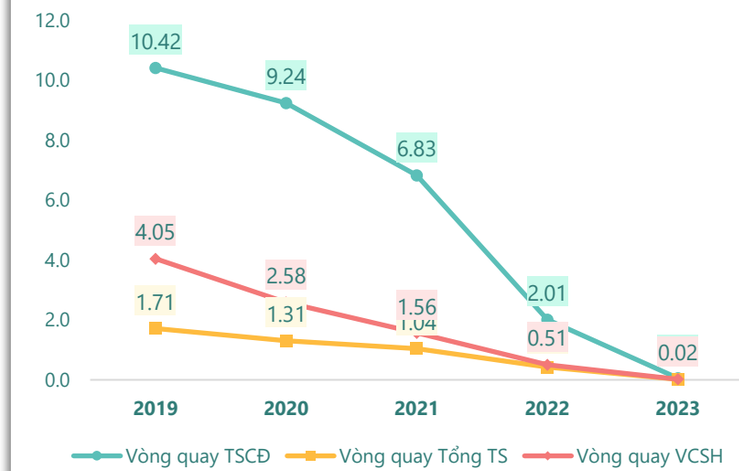
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



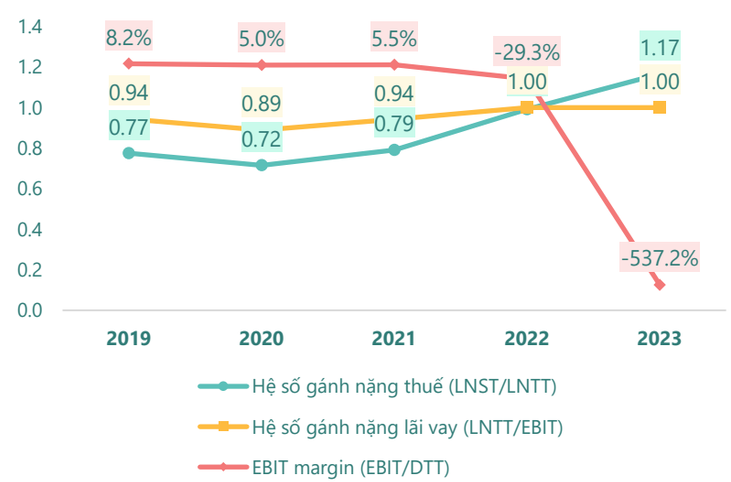
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



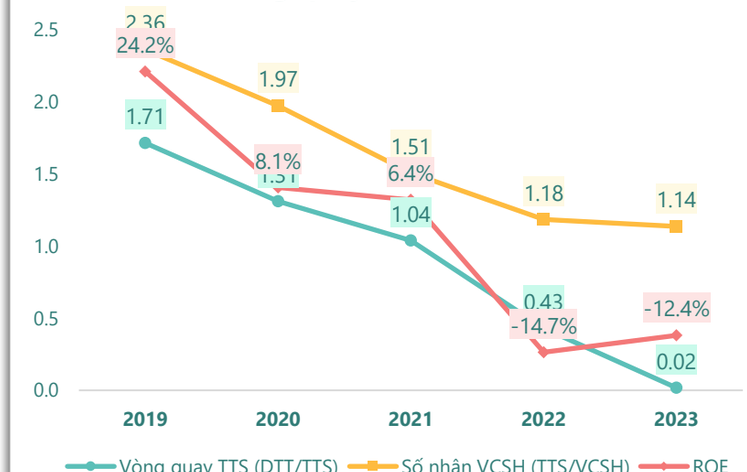
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



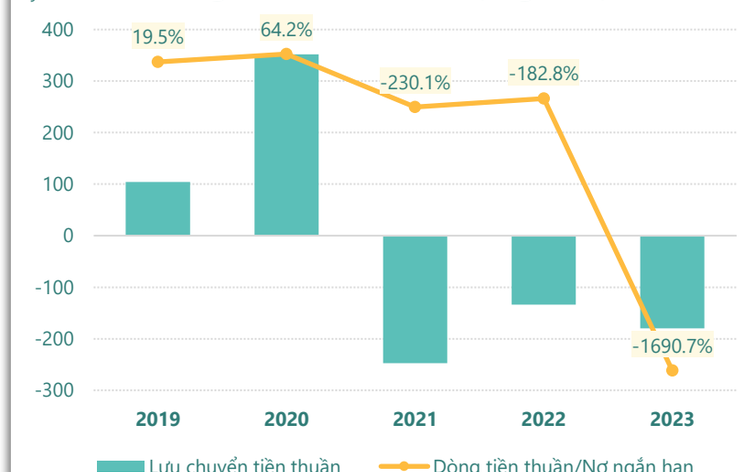
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**0.13**	**17.0**	**-99.2%**	**8.30**	**292**	**-97.2%**
Giá vốn hàng bán	0	48.3	-100%	12.3	296	-95.8%
Lợi nhuận gộp	0.13	-31.4	100%	-4.00	-3.34	-19.9%
Doanh thu HĐTC	3.56	21.7	-83.6%	7.53	41.1	-81.7%
Chi phí TC	0.06	23.6	-99.7%	1.24	23.1	-94.6%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**-0.47**	**0.00**		**-0.47**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.04	-100%	0.01	0.36	-97.7%
Chi phí QLDN	**11.3**	**43.3**	**-73.8%**	**47.7**	**108**	**-56.0%**
LN thuần từ HĐKD	-8.17	-76.6	89.3%	-45.9	-94.2	51.3%
Lợi nhuận khác	**1.03**	**8.74**	**-88.3%**	**1.31**	**8.71**	**-85.0%**
LN trước thuế	-7.15	-67.9	89.5%	-44.6	-85.5	47.9%
Lợi nhuận sau thuế	**-7.86**	**-59.0**	**86.7%**	**-52.0**	**-84.7**	**38.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-7.86**	**-59.0**	**86.7%**	**-52.0**	**-84.7**	**38.7%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-42.9	-41.3	-44.6	-7.09	-6.39	-7.81
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-7.93	-5.42	-60.5	-28.2	-17.0	20.6
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-98.8	0	-28.9	0	0	0
Tiền đầu kỳ	423	277	206	72.0	36.9	13.6
Lưu chuyển tiền thuần	**-150**	**-46.7**	**-134**	**-35.3**	**-23.4**	**12.8**
Ảnh hưởng tỷ giá	4.63	-24.7	-0.11	0.22	0.10	-0.01
Tiền cuối kỳ	277	206	72.0	36.9	13.6	26.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**419**	**535**	**-21.7%**
Tài sản ngắn hạn	205	328	-37.7%
Tiền và tương đương tiền	26.4	206	-87.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.0	0	
Phải thu ngắn hạn	4.45	19.8	-77.6%
Hàng tồn kho	94.3	90.6	4.0%
Tài sản ngắn hạn khác	13.6	11.8	15.0%
Tài sản dài hạn	**214**	**207**	**3.5%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	153	140	9.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	13.4	32.5	-58.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	34.4	15.3	125%
Tài sản dài hạn khác	**13.8**	**19.3**	**-28.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	26.7	87.3	-69.4%
Nợ ngắn hạn	**10.6**	**73.1**	**-85.5%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	28.9	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	5.50	5.17	6.2%
Nợ dài hạn	16.1	14.2	13.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**392**	**448**	**-12.4%**
Vốn chủ sở hữu	**392**	**448**	**-12.4%**
Vốn điều lệ	330	330	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)